

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Bia Hà Nội - Hải Dương

Ngày 31/12/2025	14,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.3%	1.4%	11.9%

DT thuần Q4/25
25.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼36.2 -58.2%
YoY: ▼5.00 -16.0%

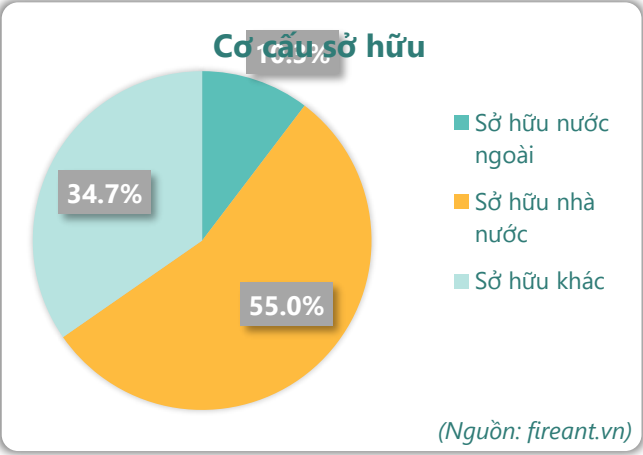
LN thuần Q4/25
-1.44
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.95 -132%
YoY: ▲ 1.34 48.1%

LN sau thuế Q4/25
-1.12
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.74 -131%
YoY: ▲ 1.13 50.3%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
5.4%
YoY: +/-▲ 0.7%

ROE 2025
9.4%
YoY: +/-▲ 0.9%

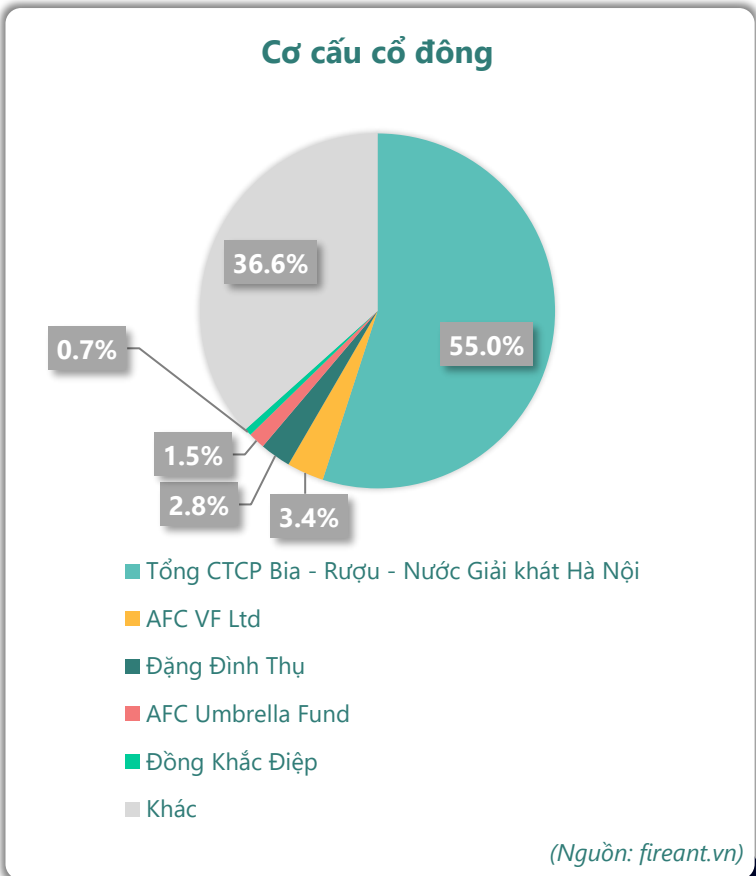
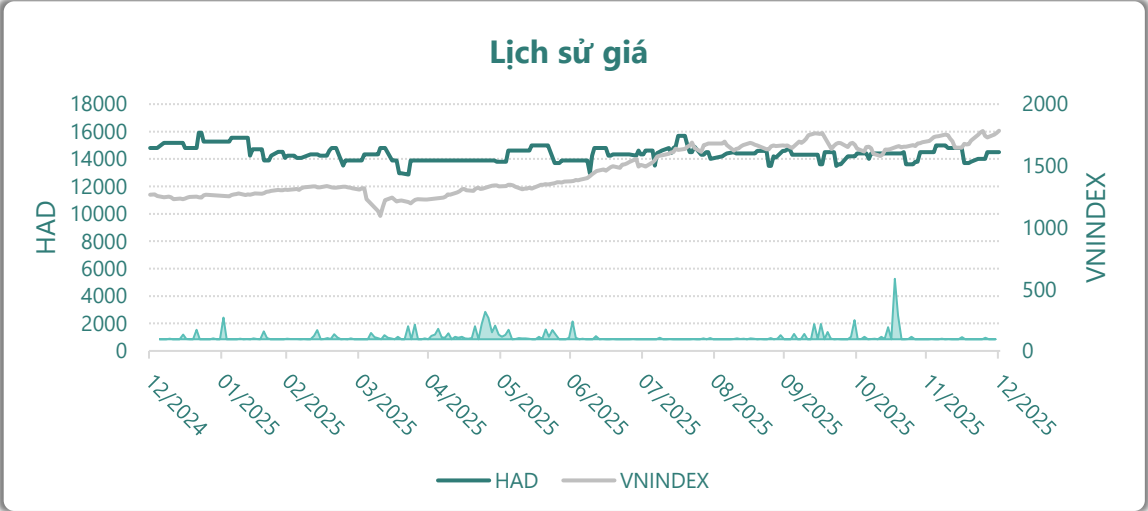
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	12,864 - 15,918
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	58
Số lượng CPLH (CP)	4,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	790
Sở hữu nước ngoài	10.3%
Beta	(0.20)
EPS	1,736
P/E	8.4



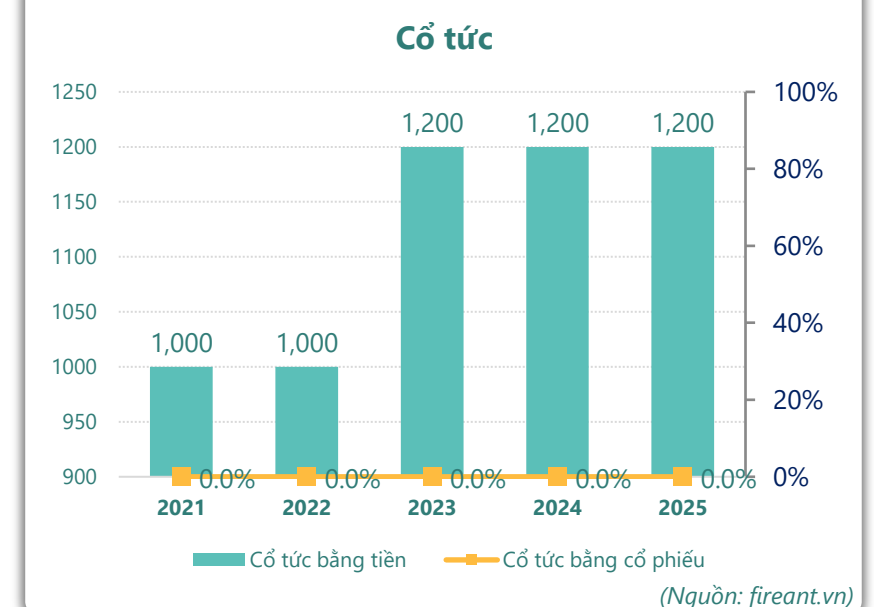
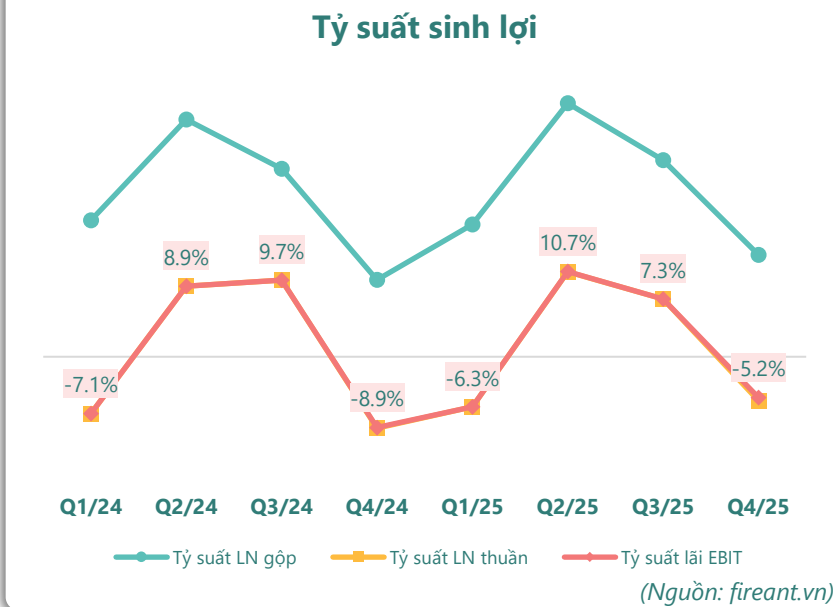
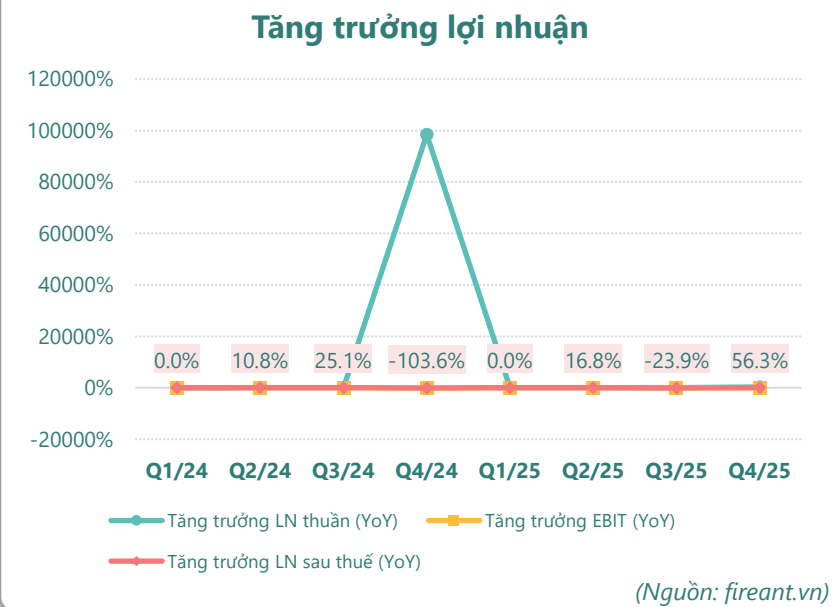
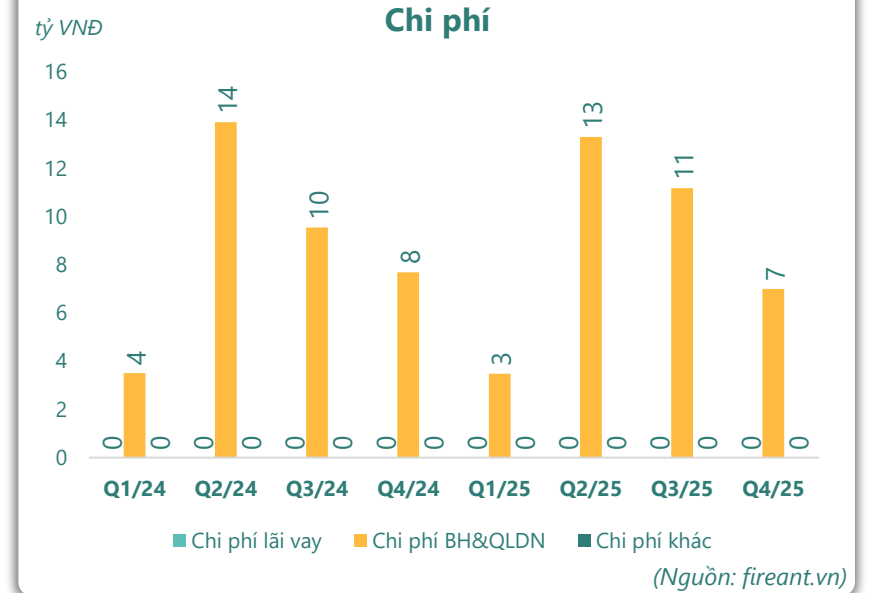
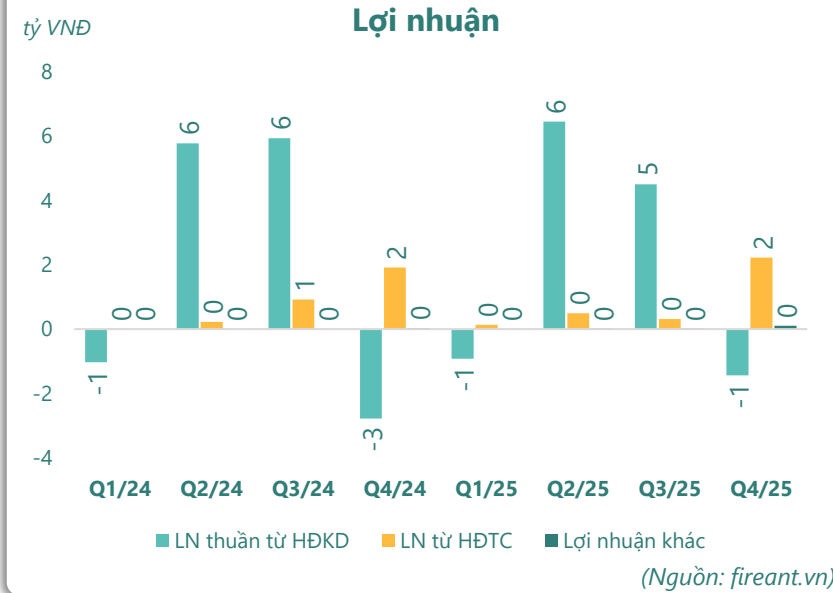
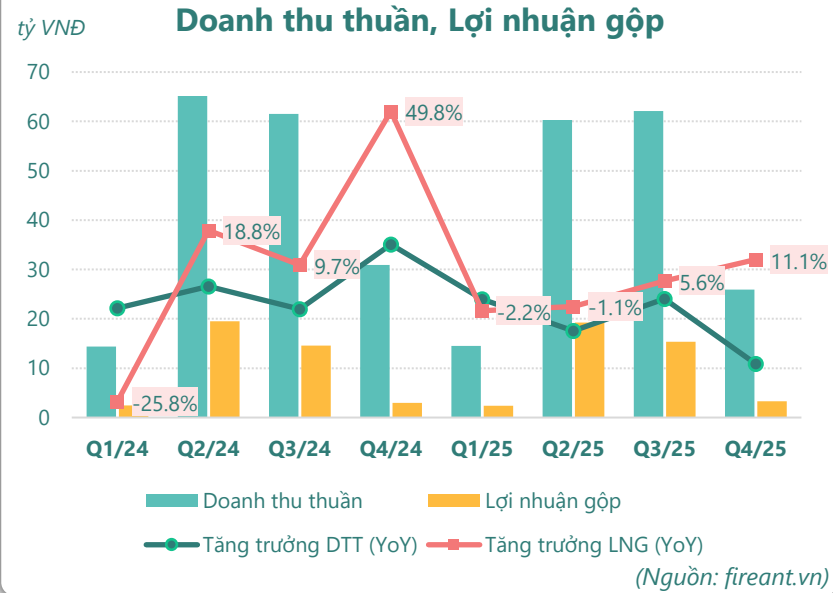
DT thuần 2025
163
tỷ VNĐ
YoY: ▼9.00 -5.3%

LN thuần 2025
8.61
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.69 8.7%

LN sau thuế 2025
6.94
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.63 10.1%



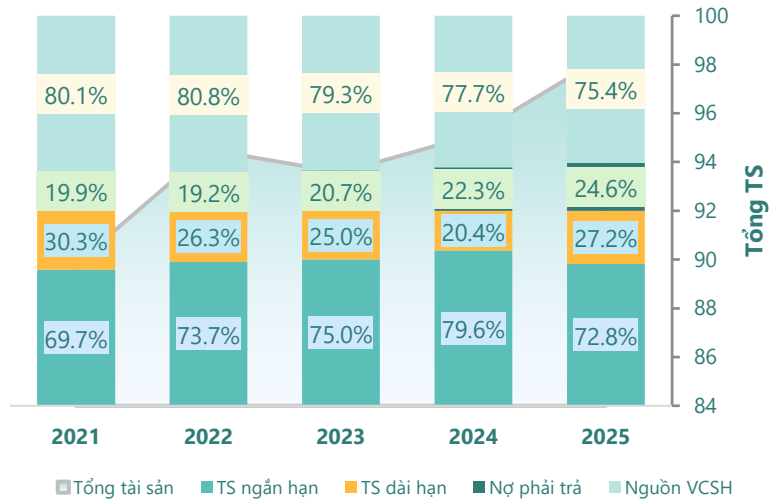
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

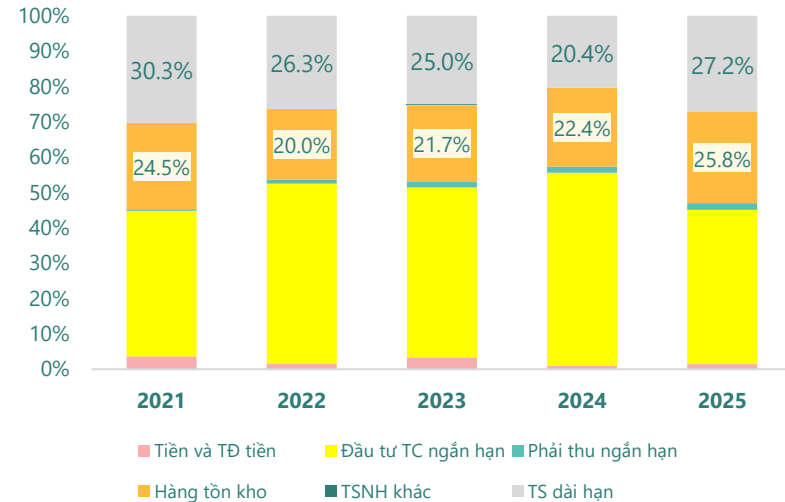
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

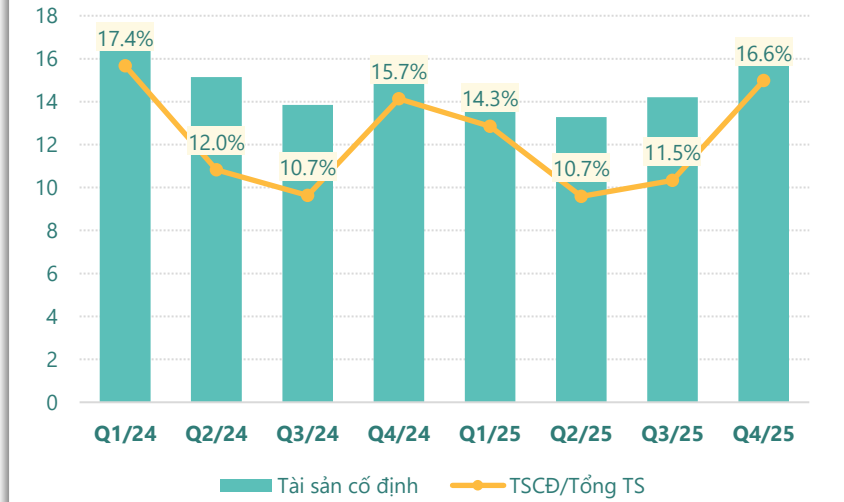
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

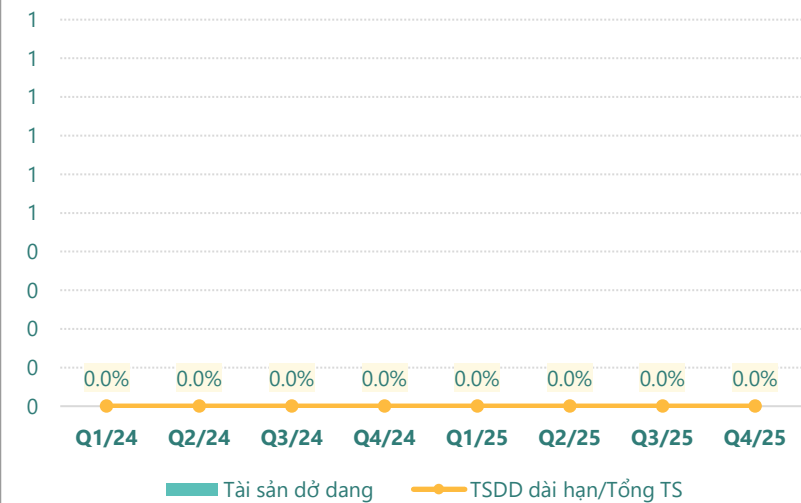
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

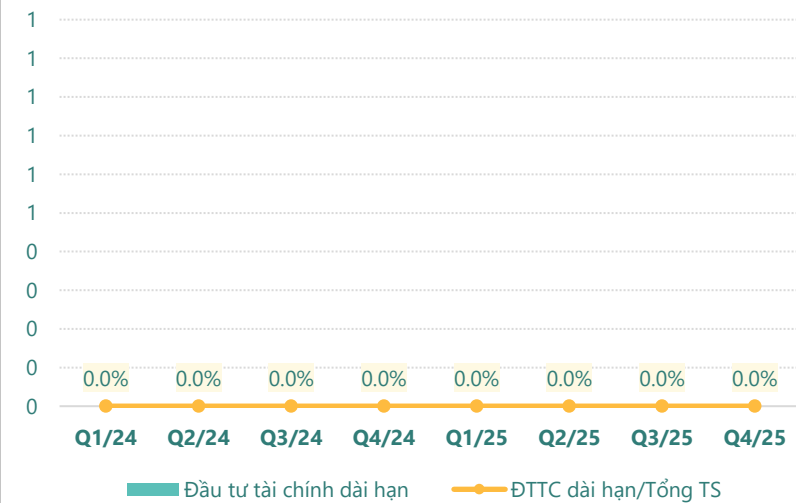
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

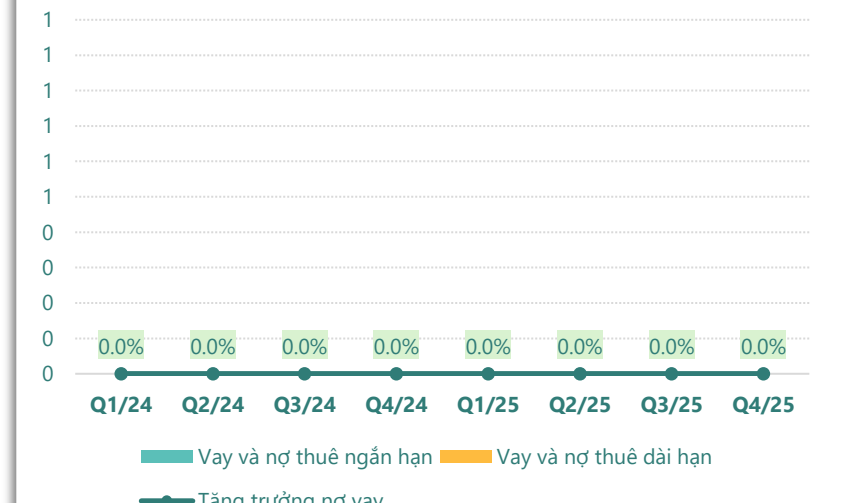
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ

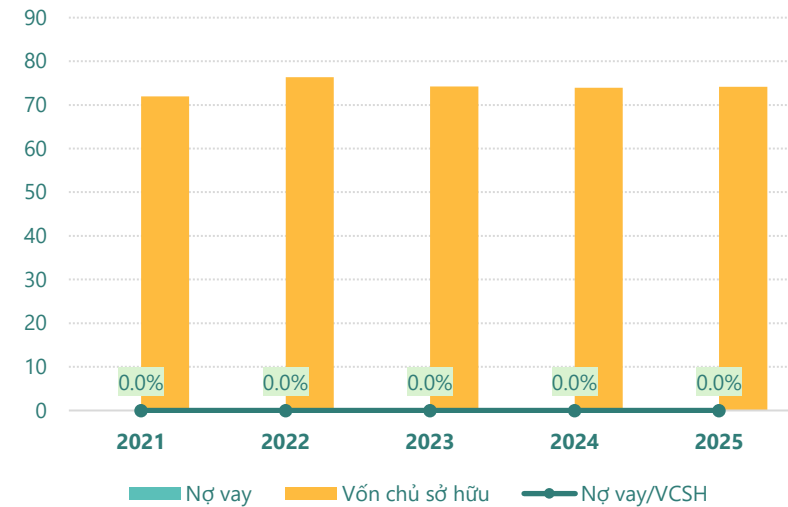


(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

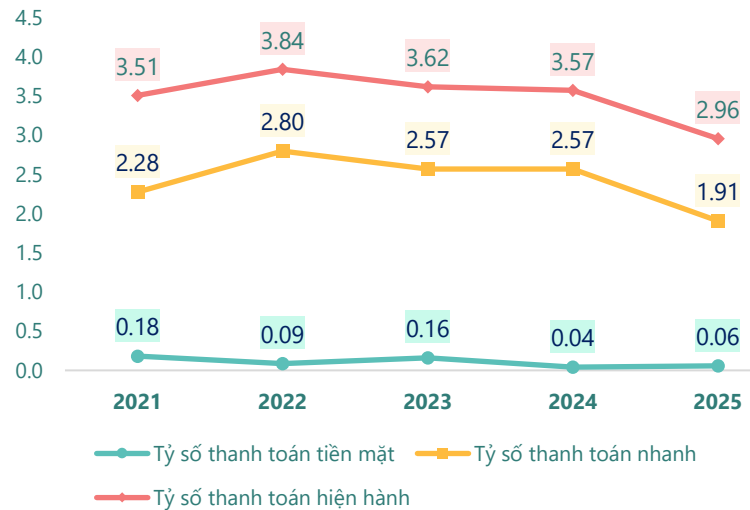
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



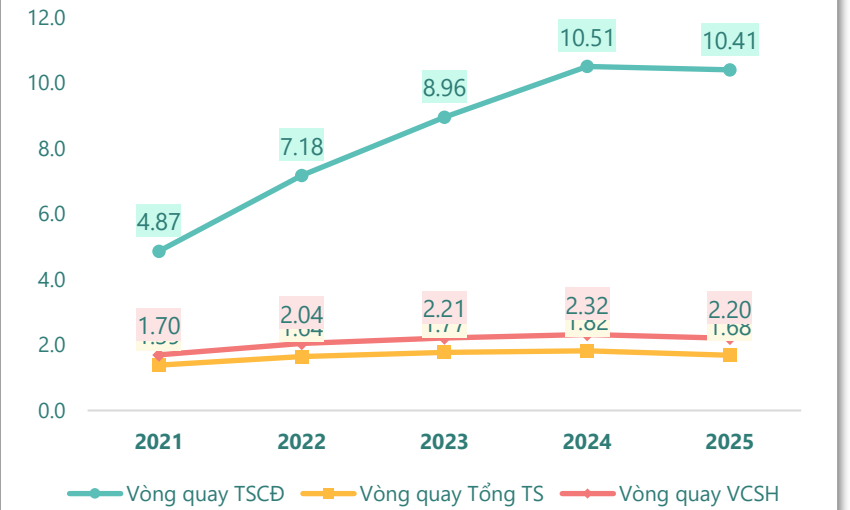
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



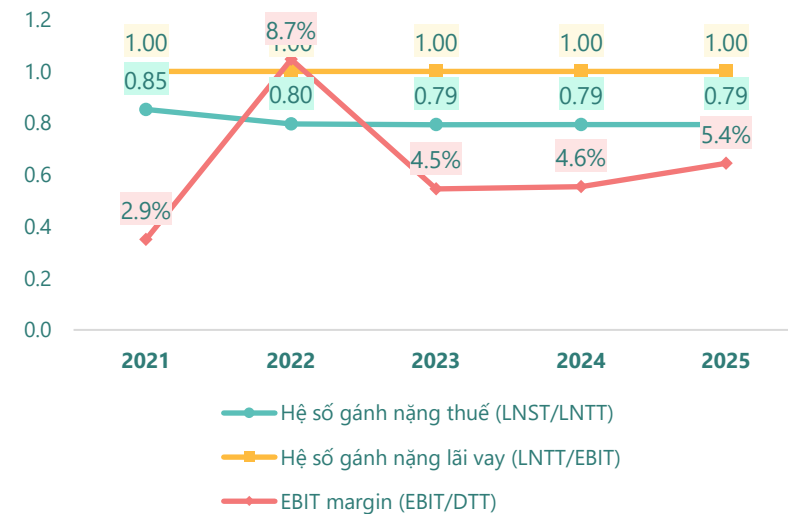
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



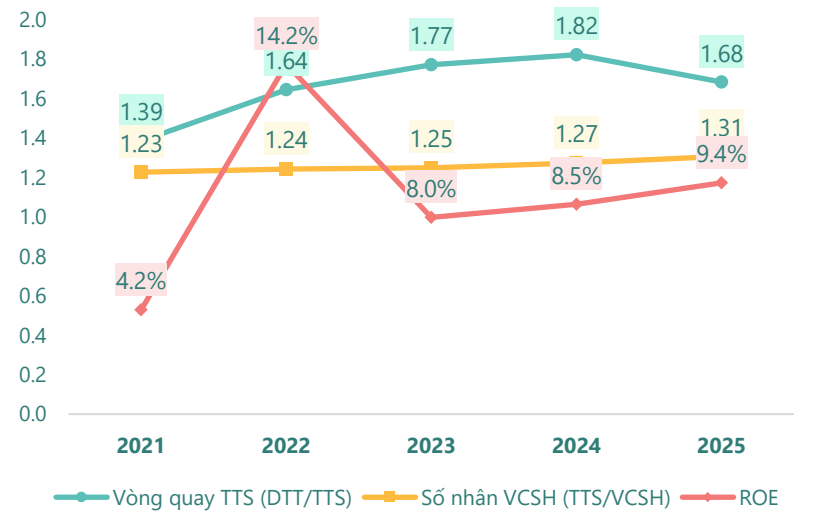
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



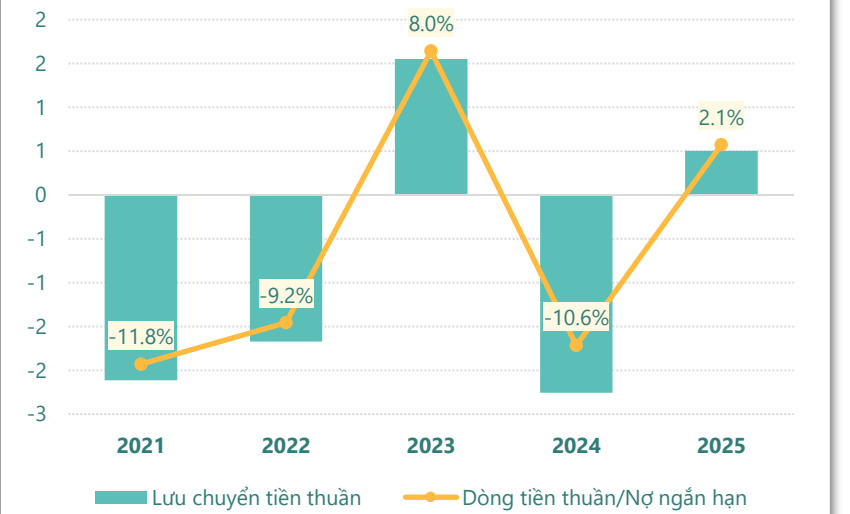
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	25.9	30.9	-16.0%	163	172	-5.3%
Giá vốn hàng bán	22.6	27.9	-18.9%	122	132	-7.5%
Lợi nhuận gộp	3.33	2.99	11.3%	40.4	39.5	2.2%
Doanh thu HĐTC	2.22	1.92	15.9%	3.16	3.06	3.3%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	4.12	5.63	-26.8%	22.6	23.0	-1.3%
Chi phí QLDN	2.88	2.06	39.6%	12.3	11.7	5.2%
LN thuần từ HĐKD	-1.44	-2.78	48.1%	8.61	7.92	8.7%
Lợi nhuận khác	0.10	0.03	249%	0.13	0.03	399%
LN trước thuế	-1.34	-2.75	51.3%	8.74	7.94	10.0%
Lợi nhuận sau thuế	-1.12	-2.25	50.3%	6.94	6.31	10.1%
LNST của CĐ cty mẹ	-1.12	-2.25	50.3%	6.94	6.31	10.1%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	12.9	-30.0	-4.40	24.5	7.32	-27.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.67	19.6	11.1	-23.1	-7.63	25.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.71	-0.08	0	0	-4.71	-0.08
Tiền đầu kỳ	7.77	11.3	0.87	7.61	8.97	3.95
Lưu chuyển tiền thuần	3.54	-10.4	6.73	1.36	-5.02	-2.57
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	11.3	0.87	7.61	8.97	3.95	1.38

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	98.4	95.1	3.4%
Tài sản ngắn hạn	71.6	75.7	-5.5%
Tiền và tương đương tiền	1.38	0.87	57.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	43.0	52.0	-17.3%
Phải thu ngắn hạn	1.80	1.59	12.9%
Hàng tồn kho	25.4	21.3	19.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	26.8	19.4	38.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	16.4	14.9	9.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	10.4	4.44	135%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	24.2	21.2	14.2%
Nợ ngắn hạn	24.2	21.2	14.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1.07	1.54	-30.5%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	74.2	73.9	0.3%
Vốn chủ sở hữu	74.2	73.9	0.3%
Vốn điều lệ	40.0	40.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

